

đã thấp lên trong ông ngọn lửa ấy chằng? Bố nuôi tôi không nói gì, đồng nghĩa với việc ông tin ông Nguyễn lắm. Cả ba người lại chuyên nhau cây điếu. Gà đã gáy dòn, trời bếch bếch đứng gân đã nhìn thấy mặt người. Tôi hỏi ông Nguyễn:

- Cháu lấy sẵn lược bác ăn nhá?

Ông Nguyễn nhìn tôi khẽ gật đầu:

- Còn ông Quan nữa.

- Thế ông Quan đâu ạ? - Tôi hỏi lại.

- Cảnh giới ở bên ngoài - ông Nguyễn nói và lấy tay chỉ ra ngoài.

Bố nuôi tôi lại ngậy người hỏi:

- Cảnh giới là cái gì?

Ông Nguyễn nhìn bố nuôi tôi giải thích:

- À! Cảnh giới là...là...như con khỉ nó đi ăn trộm ngô ấy- con trèo lên cây gác cho cả đàn thì gọi là cảnh giới. Lũng Vài mình bây giờ, bọn thằng Chưởng suốt ngày đêm cho người đi lùng sục, nên mình phải cảnh giới, có gì còn kịp báo cho nhau...

Nói xong, ông quay sang tôi bảo:

- Bây giờ cháu ra ngoài, chụm tay bịt vào mồm, giả vờ kêu như tiếng tắc kè. Kêu lên ba tiếng là được. Kêu xong, lại lặng lẽ quay về.

Tôi hăng hái đi ngay, tưởng là gì chứ bắt chước tiếng thú rừng thì người Mán thạo lắm. Đầu mùa hè, bọn trẻ

con chúng tôi thường bắt chước tiếng cuốc kêu để săn cuốc. Một người ngồi ở trong bụi cây nhỏ kêu: Cuốc... Cuốc... Cuốc... Một người ngồi gần đấy cầm cái chài chực sẵn. Lúc sau, có con cuốc tưởng là bạn tình gọi, liền bay đến bụi cây có tiếng kêu. Người cầm chài, tung chài chụp lên bụi cây để bắt. Bắt chước tiếng gà rừng gáy, tiếng con nai, con hoẵng giác gọi bạn, chúng tôi đều làm được.

Tôi làm theo lời ông Nguyễn, lúc sau ông Quan vào nhà. Tôi bê ra một rá sắn luộc. Chúng tôi cùng ăn với hai ông. Ăn xong, ông Nguyễn nhìn bố nuôi tôi nói:

- Bây giờ chúng tôi phải ra rừng làm lán ở, như vậy mới tránh được bọn chỉ điểm ở đây. Ông và cháu Tiên không được nói chuyện này với ai. Lũng Vài mình bây giờ cũng có người xấu, nó dấu mặt, nó cũng là người Mán mình cả đấy. Cách mạng còn gọi nó là Việt gian, là chỉ điểm. Cấp trên phát cho một ít thuốc Lào, ông cầm máy gói mà hút.

Vừa nói, ông Nguyễn vừa liếc nhìn ông Quan. Ông Quan hiểu ý, mở túi lấy thuốc Lào đưa cho bố nuôi tôi. Bố tôi xoa tay, đẩy lại không lấy. Thấy vậy, ông Nguyễn nói tiếp:

- Ông cầm lấy đi! Đây là tiền của cách mạng đấy! Từ ngày mai, ông cho cháu Tiên mang cơm cho chúng tôi. Đây là việc của cách mạng. Cách mạng giao việc cho ai, chỉ người ấy biết thôi. Cách mạng giao việc gì, mình làm đúng việc ấy. Mỗi người góp một việc nhỏ, cả bản sẽ thành

việc to, như vậy mới đánh được thằng Pháp, đánh được bọn chánh tổng, lý trưởng, thổ ty và bọn ác ôn như thằng Chưởng; mới giành lại được đất này, rừng này về cho dân mình. Có rừng, có đất mình tự do làm ăn, không phải chui lủi như con cây, con cáo nữa...

Nghe ông Nguyễn nói, tôi mừng quá. Bố nuôi tôi mỗi thuốc vào điếu, châm lửa xong, ông nghiêng nõ điếu, võ mạnh bàn tay vào miệng điếu. Khói trong điếu bị nén, hơi đẩy mạnh ra phía nõ, mỗi thuốc nhảy tặc ra ngoài. Bố nuôi tôi hút thuốc, thường ít khi làm như thế. Nhưng khi nào thấy ông làm động tác ấy, là trong lòng ông đang xao động điều gì dữ lắm. Hút xong, ông hết nhìn ông Nguyễn, lại nhìn ông Quan rồi nói:

- Người Mán mình với nhau, có cái gì thì ăn cái đấy thôi! Ở rừng không chết được đâu! Còn đánh thằng Pháp, đánh thằng Chưởng dân Lũng Vài mình không đánh được đâu mà! Lo trốn vào rừng sâu mà làm ăn thôi.

Tôi nghĩ, bố tôi nói vậy ông Nguyễn, ông Quan sẽ buồn. Nhưng trái lại, ông Nguyễn nhìn bố tôi phẩn khởi nói:

- Đúng! Đánh chúng nó, dân Lũng Vài mình không đánh được. Chỉ có bộ đội Cụ Hồ mới đánh được. Nhưng không có dân Lũng Vài ủng hộ, thì bộ đội dựa vào ai mà đánh chúng. Mỗi người làm một việc nhỏ cho cách mạng, như vậy là dân mình cũng đánh chúng rồi đấy.

Ông Nguyễn, ông Quan còn nói nhiều nữa. Bố nuôi tôi nghe lời hai ông nói mừng lắm. Sau buổi vào nhà tôi, hai

ông thường lên các lều canh lúa, vào hang đá để ở. Tối đến, các ông lại về nhà dân để vận động. Tôi thường mang cơm và sản lược cho các ông. Tỉnh thoảng lại có vài người cán bộ từ Lục Yên lên giao nhiệm vụ cho hai ông. Đang mùa giáp hạt dân cũng đói lắm, nhà tôi nuôi các ông được hơn một tháng thì hết gạo. Bố nuôi tôi không dám đi vay mấy nhà ở gần, vì sợ bị lộ. Tôi và vợ tôi đi đào củ mài; bố nuôi tôi về bản vay anh em trong nhà được một ít. Các ông cũng biết, nhiều khi các ông và cả cán bộ cấp trên về cùng đi đào củ mài với chúng tôi. Nhà ông Nguyễn, ông Quan tuy cùng ở Lũng Vài, nhưng thỉnh thoảng nửa đêm về sáng mới dám về nhà. Nhà hai ông cũng đói, nên không mang theo được thứ gì.

Từ hôm hai ông này về Lũng Vài, thấy nhiều nhà đã bỏ lên rừng làm lán ở, để phát nương, trồng lúa. Bọn thàng Chường đánh hơi, phát hiện có Việt Minh về bản, nên thường cho quân đi lùng sục. Trong số người bỏ lên rừng, chắc có người làm chỉ điểm, nên bọn chúng biết.

Một hôm cũng đã khuya, tôi mang cơm lên cho hai ông. Trời tối, lại mưa lâm thâm nên tôi ngồi nán lại. Trong lán không dám đốt lửa, vì sợ lộ. Hai ông đã bị phục kích trượt mấy lần, nên rất cảnh giác. Một vài ngày lại đổi chỗ một lần. Buồn ngủ quá, tôi xếp các cum lúa lại thành một cái ổ để ngủ. Đang thiu thiu, tôi giật mình nghe một tiếng quát: “Việt Minh! Nguyễn, Quan chúng mày đã bị bắt!”. Sợ quá, tôi nằm bẹp xuống. Chỉ còn nghe thấy tiếng người vật lộn huỳnh hục. Cửa sổ bật tung, hình như có người

vọt qua cửa sổ. Ánh lửa sáng loè, tiếp sau là những tiếng nổ đinh tai. Tôi nằm trong đống lúa trên gác cạnh cửa sổ, nên đạn găm vào phùng phục. Tiếng thằng Chường quát: “Trời tên Nguyên lại, đuổi theo tên Quan”. Bên ngoài, tiếng súng vẫn nổ chát chúa, kèm theo là tiếng lựu đạn. Máu lều rung lên bắn bật. Màn đêm như vỡ vụn ra từng mảnh... Tôi sợ quá nằm như con gián, chết lạng trong đống lúa, khi tỉnh dậy thấy lều nương tan hoang như vừa qua một cơn lốc...

Ông Nguyên bị đưa về đồn Cổng Trời để tra hỏi. Thằng Chường là người Lũng Vài, nên không ra mặt trực tiếp đánh ông Nguyên. Vì nó sợ người Mán thù, nên cho bọn ác ôn từ Tà Chải về, từ Nghĩa Đô sang đánh đập ông Nguyên. Ông Nguyên chết đi sống lại, máu me bết bết đầy người, nhưng ông không khai gì.

Một số người bị nghi là nuôi cán bộ, cũng bị chúng bắt. Tôi phải đi làm thông ngôn cho quan Pháp. Thấy ông Nguyên gan dạ nên tôi vững tâm, không còn run như ngày Lê Hà bị bắt nữa.

Ngày hôm sau, ông Nguyên vẫn không khai báo gì. Chúng không cho ông uống nước nên môi rộp lên nứt nẻ, quanh mắt thâm quầng và tụ máu. Quan Pháp hạ lệnh để ông nằm vát lên lưng ngựa, cho lính đưa về đồn Phố Ràng. Tôi cũng bị bắt đi cùng làm thông ngôn. Ba người nữa ở bản Khe Đanh, nghi làm tiếp tế cho Việt Minh cũng bị bắt đi theo.

Lính áp giải dẫn chúng tôi lên đôn. Ông Nguyễn được đỡ xuống ngựa, mắt nhắm nghiền, đầu tóc bê bết máu. Một quan Pháp lệnh cho lính đồng dựng ông Nguyễn ngồi tựa vào mòm đá. Quan Pháp hỏi:

- Màỵ là Việt Minh?

Tôi nói lại bằng tiếng Mán để cho ông Nguyễn nghe. Nhưng đầu ông vẫn gục xuống. Quan Pháp hát mạnh mũi giấy vào mặt ông Nguyễn. Đầu ông lại ngoẹo sang phía khác. Quan Pháp lại quát:

- Màỵ căm à?

Ông Nguyễn vẫn ngồi gục vào tảng đá thờ thoi thóp. Tôi thương ông Nguyễn quá, đánh bạo nói:

- Thưa Quan Pháp, ông này đã hơn một ngày không được ăn uống gì.

Quan Pháp lệnh cho lính đồng lấy một thùng nước đổ vào đầu ông Nguyễn. Ông tỉnh lại, mắt đỏ ngầu như máu, duy chỉ có lòng đen vẫn loé lên vẻ căm thù. Ông nhìn quan Pháp trừng trừng. Lúc sau ông đưa mắt nhìn ra xung quanh. Ánh mắt ông dịu xuống khi nhìn đến tôi. Người tôi rợn lên như có một luồng điện chạy qua. Tôi chợt nghĩ đến Lê Hà, anh thà chết nhất định không khai điều gì. Tôi nghĩ, ông Nguyễn cũng là Việt Minh, chắc khí phách ông cũng giống Lê Hà. Trong người tôi như có nước sôi trào lên, nóng ran đến tận các đầu ngón tay, ngón chân. Giá như tôi được khóc, tôi sẽ gào lên, cho bật hết hơi nóng ở trong người ra. Chân tôi run run, tôi cũng dùng ánh mắt trù mến nhất để đáp lại ánh mắt của ông. Ông khẽ chớp mắt, tôi

cảm nhận được bao điều qua cái chớp mắt ấy. Dù môi ông khô cứng vì thiếu nước, nhưng lúc này tôi vẫn thấy khoẻ mắt ông ướt ướt. Tôi hiểu, chắc ông muốn gửi gắm tôi mang về cho gia đình ông một chút nước mắt nghĩa tình cuối cùng này chăng?

Bỗng tôi thấy mắt ông lại như rục lửa. Ông nhìn xoáy như thiêu, như đốt. Tôi liếc nhìn theo hướng ánh mắt của ông. Chợt nhận ra một người mặt cúi gằm xuống, nhìn lảng đi nơi khác. Người ấy cũng là người Mán ở bản Khe Đanh, cũng bị bắt vì nghi là nuôi Việt Minh, đi cùng đoàn với tôi. Ông ta là Bàn Phúc Lượng. Tôi không hiểu ông Lượng thế nào qua cái nhìn của ông Nguyên, nhưng tự dưng trong lòng tôi thấy cuộn cuộn- tôi thấy căm thù ông Lượng.

Nhìn ông Lượng xong, ông Nguyên lại gục xuống. Có lẽ nguồn sống cuối cùng trong người ông đã phóng qua đôi mắt. Nó đã đi trung đích. Cái đích cần phóng ra của ngọn lửa ấy là ông Lượng. Tôi tự nhủ lòng mình, nhất định phải tìm cho ra cội nguồn cái nhìn rục lửa ấy của ông.

Quan Pháp thấy ông Nguyên ngoẹo đầu, gục xuống như một cái xác, ra lệnh lính ông ra mỏm đá cạnh sông. Quan rút súng lục bắn hai phát vào ngực và một phát vào đầu ông. Quan Pháp bắt một người trong đồn lấy giấy viết: *Nếu người nào theo Việt Minh thì sẽ bị bắn chết như thế này.* Quan Pháp lại bắt tên lính đồng lấy chén hứng máu từ ngực ông Nguyên đang phun ra, bắt tôi và mấy người cùng đi, có cả ông Lượng chắm tay vào chén máu rồi điểm chỉ vào tờ giấy. Xác ông Nguyên bị hất xuống dòng sông.

Trên đường về nhà, chúng tôi lầm lũi đi. Người nào cũng lặng lẽ như cái bóng của mình. Ông Lượng tụt lại đi sau cùng, tôi đi trước. Ông Lượng đi sau chắc cũng có cái lý của ông ấy. Còn tôi, tôi đi trước là vì tôi khóc. Tôi không muốn ai biết là tôi khóc. Vì vậy tôi phải đi trước để giấu đi những giọt nước ứa ra từ trong gan ruột của mình. Về đến nhà, tôi kể đầu đuôi cho bố nuôi tôi nghe. Ông ngồi lặng đi bên bếp lửa. Ông lại hút thuốc, nhưng thuốc đã bỏ vào nõ, lửa đã châm mà không thấy ông hút. Đóra nửa ngâm, châm vào lửa là cháy như nến, cháy hết hai thanh đóm mà ông vẫn chưa hút. Tôi chưa thấy bố nuôi tôi như thế bao giờ. Ông thở dài, tựa đầu vào cột không hút nữa. Ông khẽ lắc đầu, như nói với chính mình: “Lũng Vài này không còn ai được như ông Nguyễn nữa!”.

Tôi xin phép bố, sang nhà bà Nguyễn báo tin. Tôi nghĩ, chắc bà Nguyễn sẽ ôm chầm lấy tôi mà gào khóc. Lúc đó, nhất định tôi sẽ không kìm lòng mình nữa. Tôi sẽ khóc ông Nguyễn như đã từng khóc Lê Hà. Tôi sẽ ở lại giúp bà Nguyễn cúng ma cho ông ấy.

Khi tôi đến nơi, nhà bà đang cúng ma cho ông Nguyễn rồi. Chắc là đã có người đến báo tin- tôi nghĩ thế, rồi quan sát nhanh một lượt. Thấy tôi vào, một người len lén bước ra cửa sau. Tôi vẫn kịp nhận ra người đó là ông Lượng. Thấy tôi, bà Nguyễn chạy lao ra. Bà vừa chạy đến chỗ tôi, vừa gào khóc, vừa vắn lại tóc. Tôi định ôm lấy bà như đã từng ôm mẹ nuôi tôi. Nhưng thật là bất hạnh, mọi người nhìn tôi trừng trừng, bà Nguyễn cũng nhìn tôi trừng trừng. Bất giác tôi nghĩ đến cái nhìn rục rủa của ông Nguyễn chiếu vào



ông Lượng. Bà Nguyễn nhìn tôi cũng thế. Bà vừa gào, vừa đẩy tôi ra khỏi cửa. Bà nói như băm vào mặt tôi:

- Mày cú đi, mày cũng bị bắt sao mày không chết! Mày làm việc cho thằng Pháp rồi! Mày là con rắn độc rồi? Mày biết tiếng của thằng Pháp mà mày không biết nói gì cho ông Nguyễn à?

Tôi đau đớn quá, đất dưới chân như vỡ vụn ra. Bước chân tôi đi nặng nề như có đá đeo vào. Không ngờ rằng, lời buộc tội của bà Nguyễn với tôi nó như một bản án, đeo đẳng tôi suốt cả cuộc đời. Trời ơi! Một bản án chỉ có lời buộc tội, không có nhân chứng, không có quan toà, không luật sư bào chữa. Bị cáo là một thằng câm! Đúng! Với tôi, lúc này câm lặng là hơn cả!

Tôi lảo đảo bước đi trong rừng, như một cái xác không hồn. Gặp bố nuôi đang nhặt rau dớn dưới lòng khe, tôi lao đến ôm chầm lấy ông. Uất quá, tôi nấc lên ừng ực, nước mắt, nước mũi chảy ra giàn giụa. Bố nuôi tôi ôm lấy tôi, tay ông vuốt nhẹ vào lưng. Ông hỏi:

- Mày làm sao? Nói cho tao biết xem nào?

Tôi không nói được lên lời, chỉ có tiếng íc... íc thoát ra từ trong cuống phổi. Bố nuôi tôi vuốt lưng cho tôi. Lúc sau tôi mới gào lên được. Thấy nổi uất ức trong người có vợ đi, tôi buông bố nuôi ra, kể lại đầu đuôi câu chuyện. Nghe tôi kể, bố nuôi tôi cũng thân người ra. Ông liên tục thở dài. Tôi nhìn bố nuôi, mong muốn ở ông một lời khuyên giải. Lúc sau, ông gật gật đầu nói:

- Ông Nguyễn chết, vẫn còn ông Quan kia mà! Mình giúp Lê Hà, Cao Hùng, Cao Huấn, giúp ông Nguyễn và cả ông Quan đấy thôi. Sau này ông Quan phải nói cho mọi người biết chứ?

- Thế nhờ... chẳng may... ông Quan cũng không trở về nữa thì sao? - Tôi buồn rầu nhìn bố tôi nói.

Bố nuôi tôi không nói gì, ông bì bõm lội theo dòng nước. Tôi lội theo, giúp ông cấu những ngọn rau dớn mọc trong bụi. Ông im lặng, nghĩa là ông đang suy nghĩ lung lắm - tính ông vẫn thế. Biết vậy, nên tôi cũng im lặng, tôi bám theo ông như cái bóng. Tôi tin, nhất định ông sẽ có lời giải. Lúc sau ông đứng lại, dón rau cho tôi cầm. Ông nói:

- Ông Lượng và bà Nguyễn đã có tình ý với nhau từ lâu, dân bản biết cả... Mình cây ngay không sợ chết đứng đâu con ạ! Con cây, con cáo đi bắt trộm gà mới phải lăm lét, chui lủi. Mình như con công, con trĩ nhặt hạt cây rừng, có làm hại ai đâu mà sợ. Cây rừng, mỗi cây phải biết chọn cho mình một mảnh đất mà sống. Người Mán mình cũng vậy, không ở được mảnh đất này thì chọn mảnh đất khác thôi. Rừng bao la, bạt ngàn thế kia, sợ gì!... Ông Nguyễn, ông Quan bảo với mày là có chỉ điểm hở? Ông Nguyễn trước lúc chết, nhìn ông Lượng như lửa đốt à? Ông Lượng nhìn thấy mày đến nhà bà Nguyễn, ông ta phải lủi ra sau nhà chứ gì?... Nhất định là có vấn đề rồi! Từ nay phải cẩn thận với ông Lượng mới được.

Nghe bố nuôi nói, con uất ức trong người tôi vợi đi. Tôi chắc chắn rằng ông Lượng là chỉ điểm. Những ngày

sau, cả nhà tôi lên rừng phát nương, chuẩn bị cho mùa trồng lúa. Hôm nhà tôi đang chuẩn bị đốt nương, thì có ba lính đồng đến. Một thằng bảo:

- Ông Nguyễn, ông Quan là Việt Minh sống ở khu rừng này nên dân ở đây phải nuôi mới sống được. Mỗi nhà ở đây phải bắt đi một người, mang nộp cho quan Hoàng A Tưởng tra hỏi.

Bọn chúng có súng, đã đến bắt là nhất định phải đi rồi - chắc bố tôi nghĩ thế - ông nhìn bọn lính đồng nói:

- Đi thì đi! Tao không biết, thì tao không sợ!

Bọn lính đồng không đồng ý. Chúng bảo tôi phải đi, vì tôi còn biết làm thông ngôn cho quan Pháp. Con người ta thường bị đánh mãi thì dạn đòn, sợ mãi rồi cũng dạn không còn sợ nữa. Có lẽ thế, nên lần này bọn chúng đến nhà, tôi không còn thấy sợ nữa. Tôi nhìn bố nuôi tôi, bình tĩnh nói:

- Con đi cũng được!

Tôi nói lại lời của ông Nguyễn hôm anh Lê Hà bị bắt, để bố nuôi tôi yên tâm:

- Bố ạ! Người Mán mình ít nói - không biết thì bảo là không biết, thế thôi bố ạ!

Bố nuôi tôi gật đầu. Tôi về lều nương lấy quần áo đi theo bọn chúng. Ra đến Cổng Trời, vào đồn thấy có người nhà ông Nguyễn, người nhà ông Quan và ông Lượng đã ngồi ở đấy. Thấy tôi đến, bọn lính đồng dẫn chúng tôi đi luôn. Chúng dẫn chúng tôi vừa đi, vừa nghỉ dọc đường, đến quá nửa đêm mới đến Tà Chải. Chúng tôi bị đưa vào một

gian nhà lính và bị khoá cửa lại. Ông Lượng và người nhà ông Nguyễn nhìn tôi như một người xa lạ. Chỉ có người nhà ông Quan thình thoảng có nói với tôi một vài câu. Tôi biết rõ căn nguyên của nó, nên chính tôi cũng không muốn nói với họ.

Tháng trước, tôi xuống Cốc Lụ, vào thăm Bàn Văn Tảng - người bạn đã dạy tôi cách học tiếng Mán. Cốc Lụ là vùng tự do, cán bộ Việt Minh ở đấy đông lắm. Rất may, tôi gặp được ông Quan ở đấy. Nhìn thấy ông Quan, nghĩ lại lời buộc tội của bà Nguyễn, tủi thân quá, tôi ôm chầm lấy ông khóc. Ông Quan ôm lấy tôi, và cũng vuốt nhẹ vào lưng tôi. Nước mắt giàn giụa, tôi mếu máo nói:

- Bác ơi! Bà Nguyễn đổ tiếng xấu cho cháu...

Chỉ nói được có vậy là tôi òa lên, khóc nức nở. Lúc sau, bình tĩnh lại, tôi kể cho ông Quan nghe rõ đầu đuôi câu chuyện - từ lúc ông Nguyễn bị bắt đến lúc tôi đến báo tin cho bà Nguyễn. Biết ông Nguyễn đã bị giết hại, nhưng chưa biết cụ thể thế nào, nay được nghe tôi kể lại chi tiết, ông Quan nghiến răng, mắt nhìn trừng trừng, rồi ôm mặt khóc hu hu. Ông vừa khóc, vừa gọi tên ông Nguyễn. Thấy ông Quan khóc như vậy, tự dưng người tôi nhẹ lâng lâng. Tôi cảm thấy mình già dặn lắm rồi! Tôi chưa thấy người lớn khóc bao giờ, nay thấy ông Quan khóc như đứa trẻ, thương quá, tôi ngồi lại gần ông nói:

- Bác ạ! Bác Nguyễn gan dạ lắm! Cháu khâm phục bác ấy. Nhưng... nhưng cháu buồn quá...

Ông Quan bình tĩnh trở lại, lau khô nước mắt nhìn tôi nói:

- Buồn! Ừ, buồn lắm!... Nhưng không có gì phải áy náy đâu cháu. Chính thằng Lượng là chỉ điểm đấy. Bà Nguyễn và thằng Lượng đã phải lòng nhau từ thời còn son trẻ. Lúc ông Nguyễn còn sống, họ vẫn có ngầm ý với nhau. Bây giờ nó muốn lấy bà Nguyễn làm vợ. Bà Nguyễn có tình ý với nó thì bà Nguyễn mới tin nó. Dân bản không tin nó đâu. Nó đổ tiếng xấu cho cháu, nhưng cách mạng biết, cách mạng không tha tội cho nó. Hôm bọn chúng vây bắt ông Nguyễn với bác, thằng Lượng còn đuổi theo bác xuống tận khe suối. Bác rút chốt lựu đạn ném lại. Nhưng tiếc quá, lựu đạn lăn xuống khe đá nổ, nên nó không chết.

Sáng hôm sau, lính canh dẫn chúng tôi vào nhà Hoàng A Tường. Tôi đã sống ở Hà Nội, nên những toà nhà đồ sộ với tôi không còn lạ lắm nữa. Nhưng đứng trước dinh Hoàng A Tường, tôi vẫn bị choáng ngợp bởi lối kiến trúc hoàn toàn kiểu Tây của nó. Toà nhà toạ lạc trên một quả đồi cao, thoáng đãng. Đứng trên đó, có thể quan sát được hết cả thung lũng Tà Chải. Phía sau nhà là rừng cây. Trông xa, toà nhà như ngôi biệt thự sang trọng, thấp thoáng dưới tán lá rừng. Phía trước toà nhà, Hoàng A Tường cho đào một cái hồ to, ở giữa có cho đắp một hòn đảo nhỏ, trên đó mô phỏng xây dựng một ngọn tháp, trông như tháp rùa hồ Gươm. Toà nhà được xây dựng từ năm 1917, cho đến tận năm 1921 mới xong. Đi vòng quanh nhà, tôi có cảm tưởng như nó là một cái bốt. Phía trước là cổng chính vào toà nhà, phía sau có hai cửa nhỏ, ở giữa có một cái sân to, hai bên là nhà ở. Cả hai tầng phải đến ba mươi gian phòng. Hoàng A Tường ở tầng hai chính giữa, có lối đi riêng. Phía trước là hành lang, không có phòng ở. Tầng hai và gác thượng, thấy

lính bông súng đứng gác. Phía sau toà nhà, là nhà lính, chúng tôi bị nhốt ở trong đó. Mọi người đi cùng tôi, chưa thấy nhà xây bao giờ, lại là toà nhà to như thế, nên họ cứ dán mắt nhìn. Khi bọn lính mở cửa đẩy vào, chúng tôi sợ quá, ngồi co rúm lại với nhau.

Tôi cũng không biết Hoàng A Tường là ai, chỉ được nghe kể lại. Một hôm tôi đưa cơm lên rừng cho ông Nguyễn và ông Quan. Lúc đó có một cán bộ Việt Minh về giao nhiệm vụ cho hai ông. Thấy tôi đến, cán bộ hỏi tôi về Lũng Vài. Nhân câu chuyện, tôi nói có vua Mèo về Lũng Vài. Ông Nguyễn thấy tôi nói đến vua Mèo, cũng tố cáo luôn: "Sáp ong, thuốc phiện ở vùng này là độc quyền của vua. Dân làm ra những thứ ấy, đều phải bán rẻ cho vua. Cả bán muối cho dân, vua cũng độc quyền...". Qua câu chuyện người cán bộ kể, tôi mới biết: Hoàng A Tường, dân ta vẫn gọi là vua Mèo, thực chất nó không phải là vua của người Mèo. Nó là Tri châu Bắc Hà do người Pháp dựng lên. Vua của người Mèo Bắc Hà là Giàng Ly Chang. Trong số người thân cận của Giàng Ly Chang, có một người được tin cẩn nhất, vua có ý định truyền ngôi cho. Người đó dân tộc Tày, tên là Hoàng Yên Chao. Một hôm vua tôi lên rừng đi săn, Giàng Ly Chang chỉ con chim đang đậu trên ngọn cây, bảo Chao bắn thử. Chao bắn rơi ngay con chim đó bằng một phát súng. Sau lần đó, vua quyết định giao cơ ngơi của họ Giàng cho họ Hoàng và yên tâm nhắm mắt. Hoàng Yên Chao có con trai là Hoàng A Tường, hai bố con nó theo Pháp, gieo bao nổi kinh hoàng cho dân ở vùng này. Sau cách mạng năm 1945 với chính sách hoà hợp dân tộc, cách mạng đưa Hoàng A Tường ra làm Phó chủ tịch Uỷ ban hành chính

tỉnh Lào Cai. Hoàng Yên Chao làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến huyện Bắc Hà. Nhưng, ngựa quen đường cũ, tháng mười năm 1947, Pháp từ Lào Cai tấn công ra các huyện, Hoàng A Tường lợi dụng thời cơ, cướp của cách mạng mười tấn muối, rồi bố con hấn đón Pháp vào Bắc Hà. Vì vậy, tuy chưa biết nhà, biết mặt Hoàng A Tường, nhưng lai lịch về ông ta thì tôi đã được nghe.

Tôi chưa hiểu chúng định làm gì, nhưng nhất định chúng không thể đánh đập, tra tấn được. Vì nếu phải tra tấn, thì chúng đã tra tấn từ Lũng Vài rồi. Nghĩ vậy, nên tuy ngồi nép lại với nhau, nhưng tôi vẫn bình tĩnh để mắt quan sát chung quanh. Lúc sau, một người mang đến mấy cái chổi, và một ít mảnh vải đã cũ. Ông này bắt chúng tôi phải quét sân và lau toàn bộ cầu thang của toà nhà. Mấy ngày sau, chúng bắt tôi đi cắt cỏ cho ngựa, những người khác vẫn phải vệ sinh trại lính và làm cỏ quanh nhà. Có lẽ chúng tôi bị bắt đến đây là để phạt lao dịch. Như thế này, cũng chẳng khác gì tù lỏng; cũng chẳng biết đến bao giờ mới được tha về.

Đã gần một tháng, chẳng thấy tra hỏi gì, tôi nhớ Mấy, nhớ con cò cào. Ông Lượng đã đi làm lính đồng, được bổ sung vào đồn Bắc Hà. Tôi và người nhà ông Nguyễn, người nhà ông Quan vẫn ngủ với nhau. Người nhà ông Nguyễn thấy ông Lượng đã đi lính đồng, thời gian gần đây, lại công khai nói là lấy bà Nguyễn làm vợ hai, nên có ý nghi ngờ lòng tốt của ông Lượng. Nhiều lúc cũng bắt chuyện với tôi, tôi chỉ nói: Không được nuôi Việt Minh, không biết ông

Nguyên làm Việt Minh, lại bị thằng Chuông thù oán về chuyện tình duyên, làm sao lại đi báo cho thằng Chuông bắt ông Nguyên, ông Quan được. Tôi phải đi theo ra đồn Phố Ràng là vì tôi biết tiếng Pháp. Tôi kể lại, lúc sắp bị bắt ông Nguyên nhìn tôi, nhìn ông Lượng thế nào, bọn chúng đánh đập, để ông đói khát ra sao... Người nhà ông Nguyên từ đây đã nhìn tôi bằng con mắt thân thiện hơn. Còn chuyện gặp ông Quan ở Cốc Lự, ông Quan nói cho biết sự thật về ông Lượng thế nào, tôi cũng không dám nói. Nói ra được thì lòng mình thanh thản hơn, nhưng họ lại đi nói với người khác, sẽ rất nguy hiểm.

Mấy ngày sau, tôi bị điều đi chăn trâu. Thấy đàn trâu rất đông, tôi mạnh dạn hỏi người đi cùng. Qua đó tôi biết đây là trâu nộp phạt! Người mắc tội thường bị bắt đi lao dịch như chúng tôi, một thời gian khổ quá không chịu được, họ xin mang trâu đến nộp phạt. Tôi bàn với người nhà ông Nguyên, ông Quan xin nộp phạt bằng trâu. Hai người đồng ý. Chúng tôi nhắc ông Lượng đến bàn. Ông Lượng có vẻ không đồng ý- chắc sợ phải nộp trâu theo chúng tôi. Biết vậy, chúng tôi thống nhất để ông Lượng đi gặp người cai quản ở đây. Chúng tôi nói để ông yên tâm là ông không phải nộp trâu. Ông Lượng không nhìn chúng tôi, ông nhìn ra cửa, tay vỗ nhẹ vào khẩu súng nói:

- Khó cho tôi quá! Để tôi đi hỏi thử xem sao?

Lúc sau ông Lượng quay lại cho biết: Số trâu phải nộp là mười ba con. Trâu hai năm sừng trở lên - nghĩa là sừng của nó phải dài bằng hai nắm tay chồng khít lên nhau -



khoảng một gang tay. Ông Lượng đã đi lính, nên không phải nộp. Tôi phải nộp ba con; người nhà ông Nguyễn, ông Quan mỗi nhà năm con. Số trâu này của ông quan Pôn - quan người Pháp tên gọi là Pôn, được bảy con; còn sáu con của quan Hoàng A Tướng.

Nói xong, ông Lượng liếc nhìn chúng tôi vẻ thông cảm, đầu gật gật, ngón tay gõ gõ vào báng súng nói:

- Trâu nhiều thế, không có mà nộp đâu! Ở lại đi lính cho quan Pôn cũng được, tôi nói giúp cho!

Ba người chúng tôi nhìn nhau buồn rầu. Quả thực số trâu này lớn quá, không nhà nào có đủ. Ông Nguyễn và ông Quan theo Việt Minh, nhưng người nhà các ông lại chưa biết Việt Minh thế nào. Còn tôi, tôi lại biết rất rõ về Việt Minh. Trong thâm tâm tôi nghĩ: Tôi không thể cầm súng bán lại Việt Minh được; hoặc giả dụ, để người nhà ông Nguyễn, ông Quan đi lính đồng, lúc nào đó lại bán nhau với ông Quan thì đau đớn quá. Tôi nghĩ cách đi trốn là tốt nhất, nên nhìn ông Lượng nói:

- Số trâu này lớn quá, cho chúng tôi về nhà bàn kỹ đã. Không có trâu đem nộp thì đi lính cũng được.

Tôi nói như thế là để lập ra cái lý đi trốn. Không ngờ rằng mãi sau này, tôi đã phải trả giá về câu nói ấy.

Ông Lượng nghe tôi nói xong lắc đầu cuối cuối nói:

- Không được! Quan khôn lắm! Quan biết trước cả rồi.

Tôi định phân trần. Ông Lượng lại lắc đầu, cắt ngang ý định của tôi, xua tay nói tiếp:

- Quan bảo: “Cho về là chúng mày trốn luôn. Chỉ cho tôi với mày về thôi. Hai người này ở lại làm con tin”.

Qua chuyện ông Lượng đặt điều nói xấu tôi, tôi hận quá. Nếu lần này lại bị đặt điều nữa, tiếng xấu với tôi sẽ không ai rửa cho. Nghĩ vậy, tôi nói với người nhà ông Nguyễn, ông Quan và cho cả ông Lượng biết:

- Bây giờ hai anh phải viết giấy gửi về nhà, nói rõ là phải mang năm con trâu đi nộp phạt. Tôi cầm giấy này đến nhà các anh, để cùng ông Lượng mang trâu đi.

Hai anh người nhà ông Nguyễn, ông Quan chưa kịp nói gì, ông Lượng nói luôn:

- Không cần đâu mà! Tôi cũng đi cùng với mày mà!

Tôi đã biết bụng dạ ông Lượng, nên kiên quyết:

- Không! Không có giấy của hai anh, tôi không về. Tôi ở lại đây làm tù cũng được.

Thấy tôi khăng khăng như vậy, người nhà ông Nguyễn, ông Quan đồng ý viết giấy. Ông Lượng đi xin giấy bút. Hai anh viết bằng chữ nho, rồi điểm chỉ vào.

Trên đường về, tôi và ông Lượng đi cùng với nhau. Thỉnh thoảng ông Lượng lại bắt chuyện với tôi, nhưng tôi giận quá chỉ ừ hử cho qua chuyện. Tôi biết ông Lượng về cùng tôi là có ý của quan Hoàng A Tưởng. Quan cho ông Lượng đi cùng là để giám sát, vì ông Lượng có phải nộp trâu đâu mà về. Ông Lượng bây giờ đã là lính đồng, lại đi áp giải tôi và trâu, nên quan cho mang súng về theo. Nghĩ

vậy, nên tôi lại càng không muốn nói chuyện với ông Lượng. Dường như ông Lượng cũng biết điều đó, cuối cùng ông vỗ vai tôi nói:

- Mà giận tao à? Bà Nguyễn mất người, rồi ruột lên rồi nói xấu cho mà chứ! Mà có nghe thấy tao nói xấu mà đâu nào? Tao cũng bị nghi là nuôi Việt Minh chứ. Tao không có trâu, tao phải đi lính đồng thôi à! Tao với ông Nguyễn thù nhau, vì ngày trước tao cũng thích bà Nguyễn à. Thành Chương thù mà, vì nó cũng thích vợ mà à. Nó bắt mà nộp cho quan Hoàng A Tường, vì nó muốn cho mà chết đấy! Mà chết, nó cũng sẽ lấy con vợ mà thôi à. Thôi, đừng giận tao nữa mà. Về tìm trâu đi mà nộp. Nộp xong, tao nói hộ với quan cho mà về.

Nghe ông Lượng nói, bụng tôi giận sôi lên. Vì còn một sự thật nữa là làm chỉ điểm, ông ta không nói đến. Tội ấy to lắm - ông Quan nói: "Cách mạng sẽ trừng trị". Nhưng dù sao, qua lời ông Lượng, tôi cũng biết được sự thật về việc tôi bị bắt. Việc này, thì tôi tin là ông Lượng nói đúng. Ông Lượng là chỉ điểm, nay lại đi làm lính đồng, con người như thế, bụng dạ khác gì con rắn độc. Mình không cẩn thận nó cắn cho! Nghĩ vậy, tôi dịu giọng:

- Ông thật bụng giúp cháu chứ?

- Thật bụng mà! Tao với bố mà còn có họ à. Bà ngoại tao, còn là chị bà ngoại bố mà à. Bố mà nhìn thấy mặt trời trước, nên được làm anh thôi à. Tao ít hơn bố mà một tuổi à, vậy tao là bố chú của mà chứ. Bố chú thì phải thương cháu như thương con mình thôi à!

Thấy ông Lượng nói vậy, tôi đành vờ nhận sự giúp đỡ của ông ta. Thôi thì ở bầu thì tròn, ở ống thì dài, trường hợp này như thế có lẽ là tốt hơn. Điều quan trọng nhất là Lũng Vài này không ai biết gia đình tôi có tiếp tế nuôi Việt Minh. Nay chỉ còn ông Quan, thì ông Quan cũng đã đi thoát ly rồi, nên tôi thấy vững dạ. Tôi suy đoán, thực chất ở đây là chúng muốn bắt người đi lính. Hơn nữa, nếu bắt được con ông Nguyễn, con ông Quan thì sẽ triệt được mầm Việt Minh. Việc bắt nộp trâu chỉ là cái cớ. Tôi về nói rõ mọi sự việc cho bố nuôi tôi nghe. Bố tôi giấu kín mọi chuyện, chỉ cho mẹ nuôi tôi và vợ tôi biết là phải nộp ba con trâu mới được tha về. Mẹ nuôi tôi lo quá. Cả nhà chỉ có một con trâu, mọi việc cấy bừa, kéo gỗ, kéo củi... đều trông vào nó. Ai đã từng sống ở miền núi thì mới biết sự mệt nhọc của con người đến mức nào, nếu thiếu con trâu.

Chỉ có hai con đường: Một là nộp phạt ba con trâu; hai là đi lính đồng. Hai con đường đó phải chọn lấy một. Bố nuôi tôi nhất quyết là nộp trâu, chứ không để tôi đi lính đồng cho Pháp. Bố nuôi tôi đi nói khéo với họ hàng, cuối cùng cũng đủ ba con trâu đi nộp.

Tôi cầm giấy đến nhà ông Quan, đưa cho vợ ông. Cầm giấy, bà kêu khóc thảm thiết. Nhà bà cũng nghèo, chỉ có một con trâu như nhà tôi. Từ ngày bị vây bắt, ông Quan chưa thấy quay trở lại Lũng Vài. Bà Quan có năm người con, người con trai lớn nhất đã bị bắt cùng với tôi, đang làm con tin ở nhà Hoàng A Tưởng. Lúc sau bà Quan nguôi dần, tôi động viên:

- Bác à! Dù thế nào đi nữa, cũng không thể để cho anh Quáng đi lính đồng được đâu - anh Quáng là con bà Quan bị bắt cùng với tôi. Bác Quan biết được sẽ buồn lắm đấy!

- Nhưng lấy đâu ra năm con trâu bây giờ hở cháu? - Bà Quan kêu lên như vậy.

- Dạ! Cháu nghĩ, lúc hoạn nạn phải nhờ đến bà con thôi bác ạ! Nhà cháu cũng vậy thôi. Nhà có một con trâu, bố cháu đi mượn họ hàng thêm hai con nữa. Không có trâu cày ruộng thì mình phát dẫy làm nương cũng được. Quê cháu thường nói: *Cửa di thay người; người làm ra cửa, chứ cửa không làm ra người* đâu bác ạ! Để anh Quáng đi lính là có tội với bác Quan đấy. Bác Quan đi theo Việt Minh, nhất định Việt Minh sẽ về giúp dân mình...

Tôi định nói những điều ông Nguyễn, và ông Quan thường nói với bố con tôi cho bà Quan nghe. Nghĩ đi, nghĩ lại thấy không có lợi cho tôi lúc này, nên tôi lại thôi. Bà Quan buồn rầu nhìn tôi phân trần:

- Bác không để cho thằng Quáng đi lính đâu. Cháu nói phải lắm à. Cháu là người tốt đấy! Cháu cứ về đi, bác nhờ bà con giúp, rồi cho người dắt trâu đi cùng với cháu.

Tôi lại đi tắt đường rừng sang nhà bà Nguyễn. Nói là cùng bản, nhưng mỗi nhà phải cách xa nhau mấy quả đồi. Không có việc thì chẳng mấy khi đến nhà nhau. Ở nhà bà Quan ra, lòng tôi thanh thản quá. Bà Quan bảo tôi là người tốt. Bà nói câu đó trong khi nước mắt còn giàn giụa, nên tôi tin là bà nói thực lòng. Tôi tốt như thế nào, tôi cũng không

biết nữa, nhưng chắc chắn đã có người nói với tôi như vậy. Với tôi, trong lúc này nó là một phần thưởng vô giá. Tôi vừa đi vừa huýt sáo. Tôi đem theo một khẩu súng hoả mai, nếu gặp thú, gặp chim thì bắn. Nhưng làm gì có chim, có thú mà bắn - một người đi săn ai lại vừa đi, vừa huýt sáo bao giờ?

Gần đến nhà bà Nguyễn, tôi lầm lũi đi không huýt sáo nữa. Đến lều canh nương nhà bà Nguyễn, tôi định vào đây nghỉ một lúc. Bỗng tôi thấy vách nứa lều nương rung lên bần bật. Tôi đoán chắc là có khỉ về ăn trộm ngô - người Mán thu hoạch xong thường để ngô lúa ở lều nương, dùng đến đâu mang về đến đấy nên chuột, khỉ, chim chóc thường về ăn. Tôi lên lấy súng, bỏ đạn ghém vào nòng, khế bò sát xuống đất, súng hướng thẳng vào lều. Nghe thấy tiếng rên hừ hừ, tôi đoán chắc lũ khỉ vớ được ngô, sướng quá rên lên. Tôi lựa thế đất, xoay dân người về phía cửa, để nhìn rõ lũ khỉ rồi mới bắn. Khi nhìn rõ được vào lều, tôi không thể tin vào mắt mình được nữa. Hai người như hai con lợn cạo trắng phốp đang xoắn xuýt vào nhau, khẩu súng trường để nằm bên cạnh - tôi đoán chắc là ông Lượng và bà Nguyễn. Tôi nằm yên, mắt nhắm nghiền bất động. Trong lều vẫn phát ra tiếng rên như có người lên cơn sốt rét, vách lều vẫn rung lên bần bật. Tôi bò lùi, tới tảng đá gần khe nước, cuốn lá vục nước uống ngồi chờ.

Lũ sóc thấy có tiếng động chúng ngẩn cổ nhìn. Tôi giương súng, chúng vội nhảy bồm bộp trên lá chuối rừng. Lúc sau chúng lại đến. Tôi lại giương súng. Chúng lại chạy. Cứ như vậy phải đến ba, bốn lần nữa. Tôi ngồi im